|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 0404.N.TĐKT** *Kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNV ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ* Ngày nhận báo cáo: Ngày 15 tháng 12 năm báo cáo | **SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC LÀM CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG CỦA BỘ, BAN, NGÀNH, ĐOÀN THỂ TRUNG ƯƠNG, TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG** Năm… | Đơn vị báo cáo: Đơn vị nhận báo cáo: Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng |
| A | B | C | 1 |
| **Tổng số** | 01 | Tổ chức |  |
| **Chia theo cơ cấu tổ chức bộ máy** |  |  |  |
| - Cấp phòng hoặc bộ phận thuộc Vụ | 02 | Phòng |  |
| - Cấp ban hoặc phòng thuộc Sở Nội vụ | 03 | Ban/ Phòng |  |

**Biểu số 0404.N.TĐKT: Số lượng tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng là đơn vị (phòng, ban, bộ phận) thi đua, khen thưởng được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Phương pháp tính: Thống kê tại thời điểm báo cáo.

**2. Cách ghi biểu**

Cột 1: Ghi tổng số tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và chia theo từng loại tương ứng với các dòng của cột A có đến thời điểm 30 tháng 11 năm báo cáo.

**3. Nguồn số liệu**

- Chế độ báo cáo thống kê ngành Nội vụ.

- Dữ liệu hành chính.